

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2022
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yến Nhi
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Thị Lệ Hằng
2. Bà Trần Thị Dung

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều:* Ông Tô Văn Tông - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Lê Thị Hồng N** sinh năm 1998 (*có mặt*)

Địa chỉ: số 83/18 B, phường A, quận N, TP. C.

- *Bị đơn:* **Ông Nguyễn Hoàng Đ** sinh năm 1994 (*Có đơn xin giải quyết vắng mặt*)

ĐKTT: Tổ 2, khu phố 10, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh B.

Tạm trú: số 83/18 B, phường A, quận N, TP. C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 10/7/2018 giữa bà và ông Nguyễn Hoàng Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên tranh cãi, ông Đ không quan tâm lo lắng cho bà. Sau nhiều lần tìm biện pháp để hàn gắn nhằm duy trì quan hệ hôn nhân nhưng không đạt được kết quả như mong muốn. Bà và ông Đ đã sống ly thân từ đầu tháng 3/2020. Nhận thấy, bà không còn tình cảm với ông Đ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà xin được ly hôn với ông Nguyễn

Hoàng Đ.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Lê Mẫn N (nữ), sinh ngày 31/01/2019. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Phía bị đơn ông Nguyễn Hoàng Đ trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành thu thập lời khai của ông. Ông có ý kiến như sau:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông thống nhất với lời trình bày của bà về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà N yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

- *Về con chung*: Thống nhất lời trình bày của bà N về việc trong thời gian chung sống, ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Lê Mẫn N (nữ), sinh ngày 31/01/2019. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con chung. Ông đồng ý.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông và bà N không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt và đã có lời khai đồng ý các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu quan điểm: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của nguyên đơn và bị đơn. Cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Thị Hồng N và ông Nguyễn Hoàng Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố C nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi có yêu cầu. Quá trình chung sống, bà N và ông Đ phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 và bà N có đơn khởi kiện nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp ly hôn*”, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2/Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết, bị đơn do đang chấp hành án tại Trại Giam S - N nên có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3/Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà N và ông Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND phường A cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/7/2018. Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà N thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc, ông không quan tâm, chăm sóc cho bà. Bà vẫn cố gắng sống chung để mong tìm hiểu nguyên nhân bất đồng để cùng khắc phục nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc như những gia đình khác nhưng vẫn không thể hàn gắn tình cảm được nên bà và ông Đ đã sống ly thân từ tháng 3/2020. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Đ.

Theo Biên bản ghi lời khai ngày 31/3/2022 tại Trụ sở Trại Giam S - N và đơn xin giải quyết vắng mặt cho thấy: Ông Đ thống nhất với lời trình bày của bà N về việc giữa ông và bà N đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ tháng 3/2020. Do đó, bà N yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa bà Nh và ông Đ đã rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế, ông bà đã sống ly thân từ tháng 3/2020, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc cho bà N cũng như ông Đ. Mặt khác, phía ông Đ đồng ý ly hôn nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Lê Mẫn N (nữ), sinh ngày 31/01/2019, bé hiện nay đang sống với bà. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Phía ông Đ có ý kiến đồng ý giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành nên ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đ không ai được quyền ngăn cản ông thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ghi nhận lời trình bày của bà N và ông Đ không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào có yêu cầu và phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng bà được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà đã nộp xong án phí.

Do đó, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Hồng N được ly hôn ông Nguyễn Hoàng Đ.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Lê Mẫn N (nữ), sinh ngày 31/01/2019 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Các đương sự không yêu cầu, không đặt ra xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đ không ai được quyền ngăn cản ông thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận lời trình bày của bà N và ông Đ không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào có yêu cầu và phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001720 ngày 04/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà N đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết*), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường A;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.N;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.N
- Tòa án nhân dân TP.C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Yến Nhi